

CÔNG TY CP KỸ THUẬT & Ô TÔ TRƯỜNG LONG
LÔ 46, ĐƯỜNG SỐ 3, KCN TÂN TẠO, BÌNH TÂN, TP.HCM
MST: 0301384695

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III/2013



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,370,846,920	84,705,212,615
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15,656,311,135	14,140,894,088
1. Tiền	111		5,656,311,135	6,204,031,588
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	7,936,862,500
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,359,463,032	6,155,394,235
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10,359,463,032	6,155,394,235
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		21,233,492,750	15,627,611,576
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	17,683,336,795	15,117,302,023
2. Trả trước cho người bán	132		2,504,256,935	107,888,624
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1,080,489,020	501,434,729
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(34,590,000)	(99,013,800)
IV. Hàng tồn kho	140		86,803,723,359	47,827,793,598
1. Hàng tồn kho	141	V.5	86,803,723,359	47,827,793,598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,317,856,644	953,519,118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	848,668,239	420,084,527
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		503,949,917	32,225,237
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		232,180,620	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	3,733,057,868	501,209,354

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2013

0

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54,654,150,027	57,651,559,365
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		52,969,562,219	55,820,535,929
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	22,438,633,207	24,686,587,768
<i>Nguyên giá</i>	222		35,109,415,145	35,391,190,415
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12,670,781,938)	(10,704,602,647)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	30,530,929,012	31,133,948,161
<i>Nguyên giá</i>	228		34,283,090,011	34,261,209,411
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,752,160,999)	(3,127,261,250)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,684,587,808	1,831,023,436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1,501,025,494	1,666,904,122
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		68,717,914	71,274,914
3. Tài sản dài hạn khác	268		114,844,400	92,844,400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194,024,996,947	142,356,771,980

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		102,298,841,343	54,052,349,719
I. Nợ ngắn hạn	310		101,766,175,532	51,265,389,194
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	2,000,000,000	18,881,463,724
- Vay ngắn hạn		V.18	2,000,000,000	17,705,463,724
- Nợ dài hạn đến hạn trả			-	1,176,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.11	53,121,080,595	17,259,878,527
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	38,128,863,304	10,207,905,149
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1,351,327,663	2,023,109,599
5. Phải trả người lao động	315		1,929,186,208	-
6. Chi phí phải trả	316	V.13	1,567,842,448	1,277,229,846
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	2,383,877,647	293,237,425
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	1,283,997,667	1,322,564,924
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		532,665,811	2,786,960,525
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.15	532,665,811	570,199,311
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	-	2,216,761,214
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91,726,155,604	88,304,422,261
I. Vốn chủ sở hữu	410		91,726,155,604	88,304,422,261
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.20	-	4,104,516,756
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	11,726,155,604	4,199,905,505
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194,024,996,947	142,356,771,980

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2013

0

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		16,731.31	13,558.96
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2013

Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng**P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**
Lã Thị Thanh Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 Năm 2013

Đơn vị tính VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	LK Kỳ này	LK Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	150 919 490 735	61 984 267 874	351 442 264 079	151 579 109 230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10		150 919 490 735	61 984 267 874	351 442 264 079	151 579 109 230
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	140 708 818 097	56 690 973 657	320 286 131 839	139 015 242 197
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		10 210 672 638	5 293 294 217	31 156 132 240	12 563 867 033
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	352 691 400	73 600 207	966 991 710	508 893 043
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	297 410 748	165 228 803	1 217 722 908	1 175 225 335
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		287 214 572	155 006 639	1 132 133 154	676 447 232
8. Chi phí bán hàng	24		3 212 853 910	1 889 776 479	10 070 666 718	5 442 470 884
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2 633 520 800	2 501 012 431	7 733 993 640	7 185 873 233
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		4 419 578 580	810 876 711	13 100 740 684	(730 809 376)
11. Thu nhập khác	31		908 147 306	153 238 500	1 781 539 474	704 332 318
12. Chi phí khác	32				3 731 400	225 380 957
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		908 147 306	153 238 500	1 777 808 074	478 951 361
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		5 327 725 886	964 115 211	14 878 548 758	(251 858 015)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	797 043 926		2 513 831 412	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30			2 557 000	(971 640)
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		4 530 681 960	964 115 211	12 362 160 346	(250 886 375)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đặng Thị Thanh Hương

Lập ngày... tháng ... năm ...
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:
Lê Thị Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2013**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp trực tiếp)
(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		388,560,673,323	187,964,790,021
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(316,685,007,377)	(160,141,635,965)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8,668,120,885)	(6,971,141,126)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4,841,748,827)	(1,943,645,540)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,117,241,332)	(659,336,354)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40,583,080,802	6,410,016,116
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36,157,516,902)	(26,306,127,535)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		60,674,118,802	(1,647,080,383)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(21,880,600)	(21,132,296)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22		1,581,538,873	147,385,186
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4,204,068,797)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		585,964,311	508,413,155
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(2,058,446,213)	634,666,045
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hà	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57,100,255,542)	(11,566,270,137)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(57,100,255,542)	(11,566,270,137)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,515,417,047	(12,578,684,475)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi			-	-
Tiền tồn đầu kỳ	60		14,140,894,088	23,924,825,150
Tiền tồn cuối kỳ	70		15,656,311,135	11,346,140,675



Đặng Thị Thanh Hiếu
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2013

P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xe ô tô, xe chuyên dùng và phụ tùng xe các loại. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ thương mại. Cho thuê xe các loại. Sửa chữa ô tô. Thiết kế, thi công, cải tạo đóng mới các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ. Sản xuất xe chuyên dùng, gia công cơ khí. Bảo trì các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ. Đại lý bảo hiểm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 196 nhân viên đang làm việc.
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 Công ty có 223 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính giữa niên độ.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định như sau:

- Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa được tính theo giá bình quân gia quyền. Riêng đầu xe và thân xe được tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Giá trị sản phẩm dở dang bao gồm chi phí của đầu xe, thân xe, nguyên liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Giá thành phẩm được tính theo phương pháp thực tế đích danh bao gồm chi phí của xe sau khi lắp đặt và chế tạo thân xe.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20% - 33,33%
Máy móc và thiết bị	10% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12,5% - 16,67%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20% - 50%
Tài sản cố định khác	33,33%

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất từ 40 đến 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2013**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.006.138.664	152.704.079
Tiền gửi ngân hàng	4.650.172.471	6.051.327.509
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	7.936.862.500
Cộng	<u>15.656.311.135</u>	<u>14.140.894.088</u>

2. Đầu tư ngắn hạn: khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn	10.359.463.032	6.155.394.235
Cộng	<u>10.359.463.032</u>	<u>6.155.394.235</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của văn phòng công ty	17.494.002.212	14.958.383.387
Phải thu khách hàng của Chi Nhánh Vĩnh Long	189.334.583	158.918.636
Cộng	<u>17.683.336.795</u>	<u>15.117.302.023</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ thương mại địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	384.913.311	384.913.311
Lãi dự thu	270.044.207	62.079.843
Phải thu khác	425.531.502	54.441.575
Cộng	<u>1.080.489.020</u>	<u>501.434.729</u>

5. Hàng tồn kho (*)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	46.119.272.894	30.520.826.959
Công cụ, dụng cụ	38.366.487	22.774.314
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.782.152.588	12.212.334.552
Thành phẩm	16.861.411.390	5.069.337.773
Hàng hóa	2.520.000	2.520.000
Cộng	<u>86.803.723.359</u>	<u>47.827.793.598</u>

(*) Tồn kho cuối quý III/2013 cao do số lượng xe bán tăng hơn nhiều so với điểm cùng kỳ năm trước. Hiện các xe tồn kho này đang được sản xuất và chuẩn bị giao cho khách hàng vào quý IV/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn Phòng Công ty	682.568.052	369.250.536
Chi Nhánh Vĩnh Long	166.100.187	50.833.991
Cộng	848.668.239	420.084.527

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài thiếu chờ xử lý	136.623.085	7.563.374
Tạm ứng	3.191.194.783	448.645.980
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	405.240.000	45.000.000
Cộng	3.733.057.868	501.209.354

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.591.134.143	3.847.326.701	2.482.492.331	435.364.240	34.873.000	35.391.190.415
Mua sắm trong kỳ	97.727.273	185.481.818	-	-	-	283.209.091
Giảm trong kỳ	(46.384.113)	(258.691.155)	-	(259.909.093)	-	(564.984.361)
Số cuối kỳ	28.642.477.303	3.774.117.364	2.482.492.331	175.455.147	34.873.000	35.109.415.145
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.411.026.676	2.265.974.105	1.646.676.576	346.052.290	34.873.000	10.704.602.647
Khấu hao trong kỳ	1.872.552.147	339.180.544	166.442.085	27.166.744	-	2.405.341.520
Giảm trong kỳ	(39.827.095)	(185.691.150)	-	(213.643.984)	-	(439.162.229)
Số cuối kỳ	8.243.751.728	2.419.463.499	1.813.118.661	159.575.050	34.873.000	12.670.781.938
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	22.180.107.467	1.581.352.596	835.815.755	89.311.950	-	24.686.587.768
Số cuối kỳ	20.398.725.575	1.354.653.865	669.373.670	15.880.097	-	22.438.633.207

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	33.924.729.542	253.136.480	83.343.389	34.261.209.411
Mua sắm trong kỳ	21.880.600	-	-	21.880.600
Số cuối kỳ	33.946.610.142	253.136.480	83.343.389	34.283.090.011

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.929.158.429	114.759.432	83.343.389	3.127.261.250
Khấu hao trong kỳ	594.524.293	30.375.456	-	624.899.749
Số cuối kỳ	3.523.682.722	145.134.888	83.343.389	3.752.160.999
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	30.995.571.113	138.377.048	-	31.133.948.161
Số cuối kỳ	30.422.927.420	108.001.592	-	30.530.929.012

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng công ty	1.124.344.722	1.062.134.903
Chi nhánh Vĩnh Long	376.680.772	604.769.219
Cộng	1.501.025.494	1.666.904.122

11. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp xe và phụ tùng xe	45.261.887.611	8.355.852.373
Phải trả tiền mua đất Vĩnh Long	4.675.080.608	4.628.854.293
Phải trả nhà cung cấp khác	3.184.112.376	4.275.171.861
Cộng	53.121.080.595	17.259.878.527

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.002.971.984
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	129.569.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.229.798.269	833.208.189
Thuế thu nhập cá nhân	121.529.394	57.360.250
Cộng	1.351.327.663	2.023.109.599

13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.405.228.219	1.139.264.140
Chi phí khác	162.614.229	137.965.706
Cộng	1.567.842.448	1.277.229.846

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	100.016.140	93.776.770
Cổ tức phải trả (*)	1.846.568.000	6.843.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	437.293.507	192.617.155
Cộng	2.383.877.647	293.237.425

(*) Trong kỳ, Hội đồng quản trị Công ty quyết định tạm ứng 5% cổ tức năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013**15. Phải trả dài hạn khác**

Số dư dự phòng trợ cấp mất việc làm còn phải trả cho người lao động năm nay và cùng kỳ năm trước, chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	570.199.311	598.758.775
Số trích lập bổ sung	-	-
Số đã chi	(37.533.500)	(25.684.193)
Số cuối kỳ	<u>532.665.811</u>	<u>573.074.582</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	703.717.265	475.598.902	(360.725.014)	818.591.153
Quỹ phúc lợi	618.847.659	225.706.781	(379.147.926)	465.406.514
Cộng	<u>1.322.564.924</u>	<u>701.305.683</u>	<u>(739.872.940)</u>	<u>1.283.997.667</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay và nợ ngắn hạn	17.705.463.724	38.002.030.604	(53.707.494.328)	2.000.000.000
Cộng	<u>17.705.463.724</u>	<u>38.002.030.604</u>	<u>(53.707.494.328)</u>	<u>2.000.000.000</u>

18. Nợ dài hạn đến hạn trả

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	1.176.000.000	-	(1.176.000.000)	-
Cộng	<u>1.176.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(1.176.000.000)</u>	<u>-</u>

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay và nợ dài hạn (*)	2.216.761.214	-	(2.216.761.214)	-
Cộng	<u>2.216.761.214</u>	<u>-</u>	<u>(2.216.761.214)</u>	<u>-</u>

(*) Trong kỳ, Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ vay dài hạn để đầu tư cho Chi nhánh Vĩnh Long của Ngân hàng Công Thương- CN Tây Sài Gòn.

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư ngày 01/01/2013	80.000.000.000	4.104.516.756	4.199.905.505	88.304.422.261
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	12.362.160.346	12.362.160.346
Chuyển quỹ dự phòng tài chính chuyển sang lợi nhuận	-	(4.104.516.756)	4.104.516.756	-
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	(679.427.003)	(679.427.003)
Thù lao HĐQT	-	-	(235.000.000)	(235.000.000)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	(26.000.000)	(26.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Số dư đến ngày 30/09/2013	<u>80.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>11.726.155.604</u>	<u>91.726.155.604</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 3/2013**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ 3	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	150.919.490.735	61,984,267,874
Doanh thu bán xe	143.633.536.860	54.311.695.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán phụ tùng	7.277.074.456	7.659.200.277
Doanh thu khác	8.879.419	13.372.145
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần (*)	150.919.490.735	61,984,267,874

(*) Doanh thu tăng trưởng 143.48 % so với cùng kỳ năm trước.

2. Giá vốn hàng bán

	QUÝ 3	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán xe	135.154.179.513	50.891.014.994
Giá vốn dịch vụ và bán phụ tùng	5.554.638.584	5.799.958.663
Cộng	140,708,818,097	56,690,973,657

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ 3	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.430.100	24.709.688
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	315.858.860	48.087.734
Doanh thu khác	1.402.440	802.785
Cộng	352,691,400	73,600,207

4. Chi phí tài chính

	QUÝ 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	287.214.572	155,006,639
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.196.176	10.129.710
Chi phí tài chính khác	-	92.454
Cộng	297.410.748	165,228,803

5. Chi phí bán hàng

	QUÝ 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	688.990.547	602.864.816
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	136.362.409	110.004.493
Chi phí khuyến mãi	2.318.000	35.677.963
Chi phí hoa hồng	628.119.697	392.437.900
Chi phí bán hàng khác	1.757.063.257	748.791.307
Cộng	3.212.853,910	1,889,776,479

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	1.451.165.265	1.368.155.098
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	604.405.507	585.571.530
Chi phí khác	577.950.028	547.285.803
Cộng	2.633.520.800	2.501.012.431

7. Thu nhập khác

	QUÝ 3	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng của Công ty LD Hino Motor VN	908.147.306	34.500.000
Thu nhập khác	-	118.738.500
Cộng	908.147.306	153.238.500

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm :** Các thành viên hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương BGD	287.939.370	277.725.644
Thù lao HĐQT & BKS	-	-
Cộng	287.939.370	277.725.644

- *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Sumitomo Corporation – cổ đông góp 25,5% vốn điều lệ. Cuối quý III, Cổ tức phải trả cho Sumitomo Corporation là : 1.022.221.500 (đ)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Sumitomo Corporation như sau:

	Quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	2.344.541.010	-

Giá mua hàng hóa của Sumitomo Corporation là giá thỏa thuận.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013


 Đặng Thị Thanh Hiếu
 Kế toán trưởng



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

THƯ GIẢI TRÌNH

Về việc lợi nhuận sau thuế Quý 3/2013 tăng so với Quý 3/2012

Công ty Cổ phần kỹ thuật và Ô tô Trường long xin giải trình như sau:

Trong quý 3 năm 2013 lợi nhuận sau thuế của công ty Trường Long tăng 4.7 lần so với quý 3 năm 2012, do các lý do sau:

- Lãi suất vay ngân hàng hiện nay thấp hơn năm 2012
 - Tỷ giá đồng yên Nhật hiện giảm làm giá thành của những sản phẩm nhập từ Nhật bản trở nên hấp dẫn hơn đối với người tiêu dùng
1. Giá thành giảm, lãi suất hấp dẫn là các nguyên nhân làm doanh số bán hàng tăng trưởng đáng kể
 2. Chi nhánh Vĩnh long đưa vào hoạt động vào tháng 3 năm 2012 nay đã bắt đầu hoạt động ổn định, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tốt

Trân trọng,



Giám đốc

P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương